

Số: 236/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống  
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 994/TTr-TNMT ngày 18/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Vầy Mẫy Xóm - Cư trú tại bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 324.376.188 đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi tám đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)



2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Vầy Mây Xóm có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**



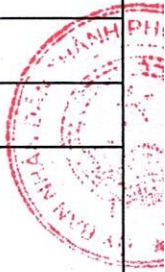


**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

(Kèm theo Quyết định số: 2263/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

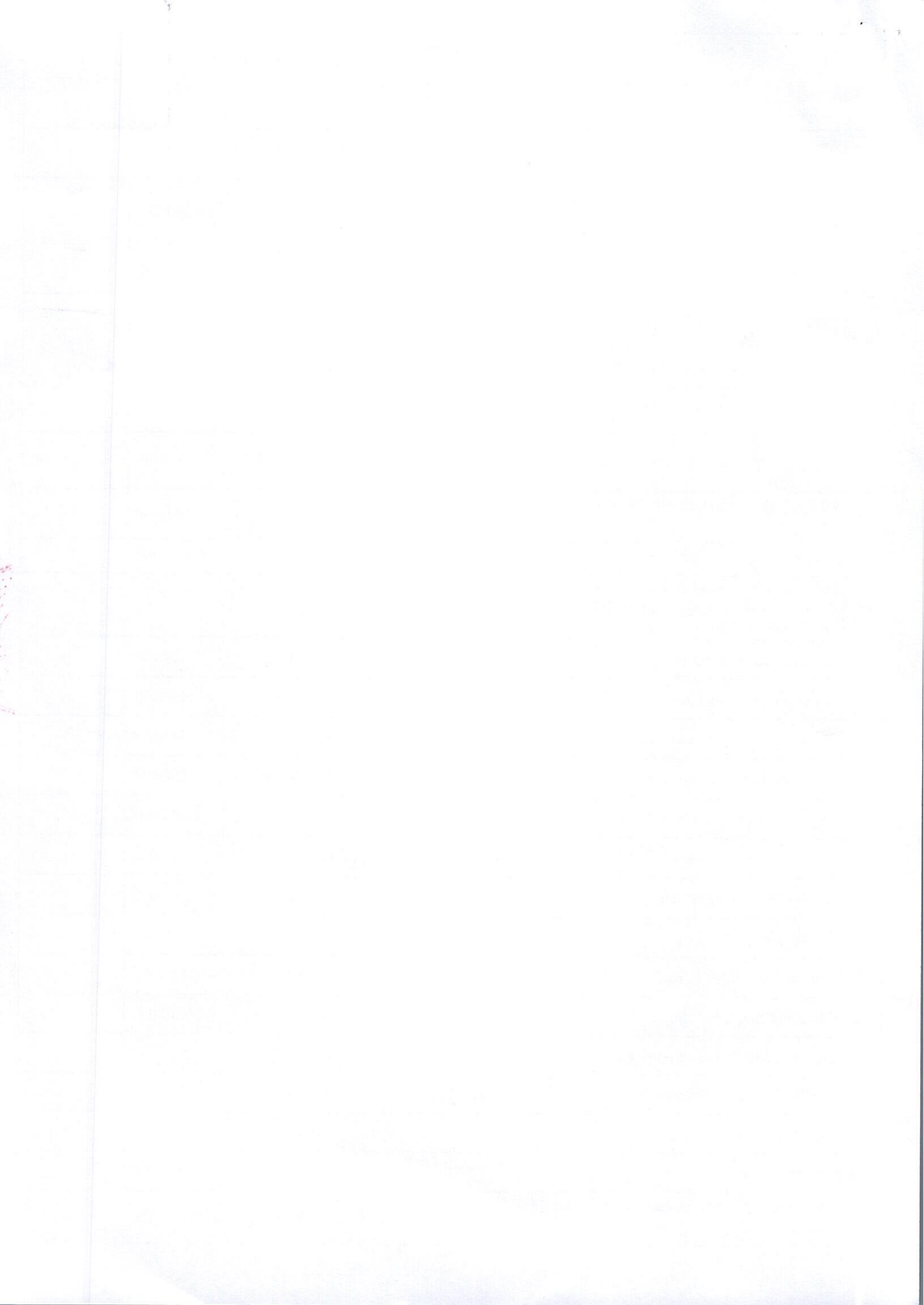
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
<b>1</b>	<b>Hộ gia đình bà Vầy Mẫy Xóm</b>					
	Địa chỉ: bản Cánh Đẳng, xã San Thành, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				<b><u>324.376.188</u></b>	
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>45.476.700</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	1.229,1			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	550,3	37.000	20.361.100	
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	378,1	37.000	13.989.700	
	Đất nuôi trồng thủy sản	m <sup>2</sup>	300,7	37.000	11.125.900	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
	<p>Nguồn gốc: Đất do gia đình bà Vầy Mẫy Xóm khai hoang sử dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp trước năm 1993. Năm 2013 đo đạc, lập hồ sơ địa chính quy chủ cho ông Vàng Văn Héo là không đúng chủ sử dụng đất.</p> <p>Phần diện tích đất số 1069, 1072 chồng lấn thửa 1033, TBĐ địa chính số 112, loại đất SON do UBND xã quản lý, hiện trạng bà Vầy Mẫy Xóm đang sử dụng, nguyên nhân chồng lấn là do sai số giữa các lần đo đạc địa chính, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Phần diện tích thửa đất 1073 chồng lấn thửa 724 đất BHK là do sai số giữa các lần đo đạc, hiện trạng sử dụng đất trồng lúa; thửa 1076 chồng lấn thửa 724 đất bằng trồng cây hàng năm khác là do sai số giữa các lần đo đạc, hiện trạng sử dụng đất thủy sản.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.</p>					
<b>b</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc</b>				<b>78.490.988</b>	
<b>b1</b>	Tài sản tạo lập năm 2011 phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (bồi thường bằng 100% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Kè đá xây (2*0,6*95) kè suối	m <sup>3</sup>	114,0	392.700	44.767.800	
2	Lưới B40 (2*1)	m <sup>2</sup>	2,0	100.100	200.200	
3	Cống cuốn BT Φ 100-300 (lấy nước vào ruộng)	m	10,0	144.100	1.441.000	
4	Kè xếp đá khan (7,5*0,6*0,5)	m <sup>3</sup>	2,3	141.900	319.275	
5	Ống PVC Φ 110	m	30	24.546	73.638	








TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
5	Ống PVC Φ 110	m	3,0	24.546	73.638	
6	Ao đào không phân biệt đất cấp (1,5*300.7 m <sup>2</sup> )	m <sup>3</sup>	451,1	58.300	26.296.215	
7	Kè đá xếp khan (9*0,9*0,5)	m <sup>3</sup>	4,1	141.900	574.695	
<b>b2</b>	<i>Tài sản tạo lập năm 2011 phục vụ sản xuất nông nghiệp, không đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>					
8	Nền láng VXM dày 3 cm (5*3) cống ao	m <sup>2</sup>	15,0	19.800	297.000	
9	Ao đào không phân biệt đất cấp (1,5* 103.4 m <sup>2</sup> )	m <sup>3</sup>	155,1	29.150	4.521.165	
<b>c</b>	<b>Cây trồng, vật nuôi</b>				<b>43.617.300</b>	
<b>c1</b>	<b>Phần gia đình sử dụng đúng mục đích sử dụng đất (bồi thường bằng 100% theo Điều 14 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</b>					
1	Cây chuối cao trên 1,2 m	Cây	51,0	24.000	1.224.000	
2	Cây chuối cao dưới 1,2m	Cây	26,0	18.000	468.000	
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	Cây	7,0	192.000	1.344.000	
4	Cây chanh bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	204.000	204.000	
5	Cây ổi bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	3,0	360.000	1.080.000	
6	Cây bưởi bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	2,0	360.000	720.000	
7	Cây Đào bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	360.000	360.000	
8	Cây lấy gỗ D =10-25 cm	Cây	20,0	42.000	840.000	
9	Cây chuối cao dưới 1,2m	Cây	30,0	18.000	540.000	
10	Cây chuối cao dưới 1,2m	Cây	52,0	18.000	936.000	
11	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	Cây	10,0	192.000	1.920.000	
12	Cây ổi bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	2,0	360.000	720.000	
13	Cây tre D =5-10 cm	Cây	20,0	30.000	600.000	
14	Cây tre D>10cm	Cây	10,0	48.000	480.000	
15	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 300,7m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	kg	90,2	60.000	5.412.600	





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
16	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 1.259,7 m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	kg	377,9	60.000	22.674.600	
<b>c2</b>	<b>Phân gia đình tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sai mục đích sử dụng đất, chuyển đổi không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 5 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</b>					
17	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 103,4m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	kg	31,0	30.000	930.600	
18	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 351,5 m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	kg	105,5	30.000	3.163.500	
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>156.791.200</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	550,3	148.000	81.444.400	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm khác điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	378,1	111.000	41.969.100	
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất nuôi trồng thủy sản theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	300,7	111.000	33.377.700	

